

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu: Bảo trì, thay thế vật tư thang máy năm 2024

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Đồng 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thực hiện dịch vụ với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện nhi đồng 2
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu báo giá: CN. Tân, nhân viên Phòng Hành Chính Quản Trị.
- Cách tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành Chính Quản Trị (Địa chỉ: 14 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Tp. HCM- Điện thoại số: 028.38295723 – 220
 - Nhận qua email: Quý công ty/đơn vị cung cấp dịch vụ gửi file và bản scan báo giá có đóng dấu đến địa chỉ: hanhchinhqt.nd2@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 04 tháng 8 năm 2024 đến 16 giờ ngày 07 tháng 8 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục dịch vụ:

ST T	Hạng mục thực hiện	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	I. Dịch vụ bảo trì thang máy			
1	Thang tải bệnh hiệu Fuji (1350 kg, 3 điểm dừng) - Thang B12 – Khoa thần kinh - Thang B13 – Khoa dịch vụ 3 - Thang B14 – Khoa sơ sinh	Lần	36	1 tháng 1 lần Hỗ trợ 1 giờ
2	Tải bệnh hiệu Kim Tường (1000 kg, 02 điểm dừng) - Thang Phòng mổ	Lần	12	-2 giờ trong
3	Thang tải bệnh hiệu Đông Dương (1250 kg, 02 điểm dừng) - Thang Khoa ung bướu	Lần	12	trường hợp đột
4	Thang tải bệnh hiệu Fuji (1600 kg, 07 điểm dừng) - Thang phòng khám: 6 thang	Lần	72	xuất khi có sự cố

II. Thay thế vật tư			
Thang máy: FUJI0281 (Thang Phòng Khám - Tải Bệnh)			
1	Cáp tải F10 (140 mét/sợi x 5 sợi)	Mét	700
2	Shoes cabin	Bộ	4
3	Shoes đối trọng	Bộ	4
4	Hộp nhót cabin và đối trọng	Bộ	4
5	Bạc đạn puly đầu cabin	Bộ	4
6	Cốt puly đầu cabin	Bộ	2
7	Puly đầu cabin (gia công somi)	Bộ	2
8	Bạc đạn puly truyền phòng máy	Bộ	6
9	Cốt puly truyền phòng máy	Bộ	3
10	Puly phòng máy (gia công somi)	Bộ	3
11	Hộp Gate cửa cabin	Cái	2
12	Quạt cabin	Cái	1
13	Kiểm định thang máy (Hồ sơ kiểm định - miễn phí)	Thang	1
Thang máy: FUJI0282 (Thang Phòng Khám - Tải Bệnh)			
1	Cáp tải F10 (140 mét/sợi x 5 sợi)	Mét	700
2	Shoes cabin	Bộ	4
3	Shoes đối trọng	Bộ	4
4	Hộp nhót cabin và đối trọng	Bộ	4
5	Bộ đầu cửa cabin - Bộ đầu cửa Cabin - Động cơ cửa, Biến tần cửa - Yếm cửa, Kiểm cửa - Rail cửa, Bánh xe cửa, Hộp Gate	Bộ	1
6	Bạc đạn puly đầu cabin	Bộ	4
7	Cốt puly đầu cabin	Bộ	2
8	Puly đầu cabin (gia công somi)	Bộ	2
9	Bạc đạn puly truyền phòng máy	Bộ	6
10	Cốt puly truyền phòng máy	Bộ	3
11	Puly phòng máy (gia công somi)	Bộ	3
12	Hộp Gate cửa cabin	Cái	2
13	Quạt cabin	Cái	1
14	Động cơ cửa	Cái	1

15	Kiểm định thang máy (Hồ sơ kiểm định - <i>miễn phí</i>)	Thang	1	
Thang máy: FUJI0283 (Thang Phòng Khám - Tải Bệnh)				
1	Cáp tải F10 (140 mét/sợi x 5 sợi)	Mét	700	
2	Shoes cabin	Bộ	4	
3	Shoes đối trọng	Bộ	4	
4	Hộp nhớt cabin và đối trọng	Bộ	4	
5	Bộ đầu cửa cabin - Bộ đầu cửa Cabin - Động cơ cửa, Biến tần cửa - Yếm cửa, Kiểm cửa - Rail cửa, Bánh xe cửa, Hộp Gate	Bộ	1	
6	Bạc đạn puly đầu cabin	Bộ	4	
7	Cốt puly đầu cabin	Bộ	2	
8	Puly đầu cabin (gia công somi)	Bộ	2	
9	Bạc đạn puly truyền phòng máy	Bộ	6	
10	Cốt puly truyền phòng máy	Bộ	3	
11	Puly phòng máy (gia công somi)	Bộ	3	
12	Hộp Gate cửa cabin	Cái	2	
13	Kiểm định thang máy (Hồ sơ kiểm định - <i>miễn phí</i>)	Thang	1	
Thang máy: FUJI0284 (Thang Phòng Khám - Tải Bệnh)				
1	Cáp tải F10 (140 mét/sợi x 5 sợi)	Mét	700	
2	Shoes cabin	Bộ	4	
3	Shoes đối trọng	Bộ	4	
4	Hộp nhớt cabin và đối trọng	Bộ	4	
5	Bạc đạn puly đầu cabin	Bộ	4	
6	Cốt puly đầu cabin	Bộ	2	
7	Puly đầu cabin (gia công somi)	Bộ	2	
8	Bạc đạn puly truyền phòng máy	Bộ	6	
9	Cốt puly truyền phòng máy	Bộ	3	
10	Puly phòng máy (gia công somi)	Bộ	3	
11	Hộp Gate cửa cabin	Cái	2	
12	Kiểm định thang máy (Hồ sơ kiểm định - <i>miễn phí</i>)	Thang	1	
Thang máy: TM1256 (Thang Tải Bệnh - Khoa Ung Bướu)				
1	Tủ điều khiển:	Bộ	1	

	- Biến tần 11kw (Yaskawa - Nhật) - Card điều khiển SOC (TNE) - Card phát tốc (Nhật) - Relay & Contactor...			
2	Hộp Domino và INS đầu cabin	Bộ	1	
3	Dây dọc hồ 2 tầng	Bộ	1	
4	Dây cordon 14 ruột	Mét	40	
5	Dây cordon 24 ruột	Mét	40	
6	Cảm biến dừng tầng	Bộ	1	
7	Hộp button cabin hoàn chỉnh	Bộ	1	
8	Hộp button tầng hoàn chỉnh	Bộ	2	
9	Bộ đầu cửa cabin - Bộ đầu cửa Cabin - Động cơ cửa, Biến tần cửa - Yếm cửa, Kiểm cửa - Rail cửa, Bánh xe cửa, Hộp Gate	Bộ	1	
10	Nhớt máy kéo	Lít	9	
11	Cáp tải F12 (20 mét/sợi x 4 sợi)	Mét	80	
12	Puly máy kéo	Cái	1	
13	Shoes cabin	Bộ	4	
14	Shoes đối trọng	Bộ	4	
15	Hộp nhớt cabin và đối trọng	Bộ	4	
16	Kiểm định thang máy (Hồ sơ kiểm định - <i>miễn phí</i>)	Thang	1	
Thang máy: TM1255 (Thang Phòng Mô)				
1	Tủ điều khiển: - Biến tần 7.5kw (Yaskawa - Nhật) - Card điều khiển SOC (TNE) - Card phát tốc (Nhật) - Relay & Contactor...	Bộ	1	
2	Hộp Domino và INS đầu cabin	Bộ	1	
3	Dây dọc hồ 2 tầng	Bộ	1	
4	Dây cordon 14 ruột	Mét	40	
5	Dây cordon 24 ruột	Mét	40	
6	Cảm biến dừng tầng	Bộ	1	
7	Hộp button cabin hoàn chỉnh	Bộ	1	

8	Hộp button tầng hoàn chỉnh	Bộ	2
9	Biển tần cửa Monarch	Cái	1
10	Shoes đổi trọng	Bộ	4
11	Nhớt máy kéo	Lít	9
12	Cáp tải F12 (20 mét/sợi x 3 sợi)	Mét	60
13	Puly máy kéo	Cái	1
14	Shoes cabin	Bộ	4
15	Hộp nhớt cabin và đổi trọng	Bộ	4
16	Bộ đầu cửa cabin - Bộ đầu cửa Cabin - Động cơ cửa, Biển tần cửa - Yếm cửa, Kiếm cửa - Rail cửa, Bánh xe cửa, Hộp Gate	Bộ	1
17	Kiểm định thang máy (Hồ sơ kiểm định - <i>miễn phí</i>)	Thang	1

2. Địa điểm thực hiện dịch vụ: Bệnh viện Nhi Đồng 2
3. Thời gian dự kiến thực hiện hợp đồng: 01 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Các thông tin khác:
 - Có đầy đủ thông tin liên hệ với đơn vị/ nhà cung cấp dịch vụ, giấy phép thành lập doanh nghiệp;
 - Văn bản chứng minh đơn vị có chức năng trong nội dung đã nêu trên (kèm theo các chứng chỉ, chứng nhận, giấy phép hoạt động, v.v.)
 - Các hợp đồng tương tự đã ký kết trong thời gian qua (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HCQT (LTT,3)

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
BS. CKII Lê Thị Minh Hồng

OK



(Danh mục thực hiện ban hành kèm theo thông báo số 180/TB-BVNĐ2 ngày 12 tháng 8 năm 2024
Về việc mời báo giá gói thầu: Bảo trì, thay thế vật tư thang máy năm 2024)

I. Vật tư, hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật
I	Vật tư, thiết bị thay thế thang máy	
1	Cáp tải phi 12 (30 mét/sợi x 7 sợi)	Đường kính $\geq 12\text{mm}$. Lõi cáp là lõi sợi tâm dầu. Bảo hành ≥ 12 tháng
2	Cáp Governor phi 8	Đường kính $\geq 8\text{mm}$. Lõi cáp là lõi sợi tâm dầu. Bảo hành ≥ 12 tháng
3	Puly máy kéo	Đường kính $\geq 550\text{mm}$, dày $\geq 125\text{mm}$, bước cáp $\geq 20\text{mm}$, 7 rãnh mỗi rãnh $\geq 12\text{mm}$. Bảo hành ≥ 12 tháng
4	Bộ Governor	Đường kính động học $\geq 240\text{mm}$, rãnh cáp $\geq 8\text{mm}$. Điện áp 220V, tốc độ 1 m/s. Bảo hành ≥ 12 tháng
5	Bộ đối trọng Governor	Đường kính động học $\geq 240\text{mm}$, rãnh cáp $\geq 8\text{mm}$, cân nặng $\geq 10\text{kg}$. Bảo hành ≥ 12 tháng
6	Hộp bắt button tầng	Cao 105mm, dài 121mm, rộng 30,5mm. Bảo hành ≥ 12 tháng
7	Bộ đầu cửa cabin	Vật liệu kết cấu bằng thép - Tiếp điểm an toàn: phù hợp sử dụng trong thang máy. - Toàn bộ cơ cấu, kích thước phải phù hợp với thang hiện hữu Công suất 100W, điện áp 50V, tốc độ 180 vòng/ phút - Sử dụng biến tần cửa dài 230mm rộng 53mm cao 125mm công suất 0,4KW, điện áp 220V. Bảo hành ≥ 12 tháng
8	Hộp Gate cửa cabin	Rộng 120mm, sâu 215mm, cao 145mm, rãnh 10mm. Bảo hành ≥ 12 tháng
9	Shoes cabin	Rộng $\geq 120\text{mm}$, sâu $\geq 215\text{mm}$, cao $\geq 145\text{mm}$ rãnh $\geq 10\text{mm}$. Bảo hành ≥ 12 tháng
10	Shoes đối trọng	Rộng $\geq 110\text{mm}$, sâu $\geq 45\text{mm}$, cao $\geq 86\text{mm}$ rãnh $\geq 16\text{mm}$. Bảo hành ≥ 12 tháng
11	Hộp nhốt cabin và đối trọng	Cao 105mm, dài 121mm, rộng 30,5mm. Bảo hành ≥ 12 tháng
12	Cáp tải phi 10 (140 mét/sợi x 5 sợi)	Tổng độ dài 700 mét, đường kính $\geq 10\text{mm}$. Lõi cáp là lõi sợi tâm dầu. Bảo hành ≥ 12 tháng
13	Bạc đạn puly đầu cabin	Đường kính trong $\geq 50\text{mm}$, đường kính ngoài $\geq 90\text{mm}$, dày $\geq 20\text{mm}$. Bảo hành ≥ 12 tháng
14	Cốt puly đầu cabin	Đường kính $\geq 50\text{mm}$, dài $\geq 165\text{mm}$. Bảo hành ≥ 12 tháng
15	Puly đầu cabin (gia công somi)	Đường kính trong $\geq 50\text{mm}$, đường kính ngoài $\geq 60\text{mm}$, dày $\geq 20\text{mm}$ Bảo hành ≥ 12 tháng

16	Bạc đạn puly truyền phòng máy	Đường kính trong $\geq 50\text{mm}$, đường kính ngoài $\geq 90\text{mm}$, dày $\geq 20\text{mm}$ Bảo hành ≥ 12 tháng
17	Cốt puly truyền phòng máy	Đường kính $\geq 50\text{mm}$, dài $\geq 165\text{mm}$ Bảo hành ≥ 12 tháng
18	Puly phòng máy (gia công somi)	Đường kính trong $\geq 50\text{mm}$, đường kính ngoài $\geq 60\text{mm}$, dày $\geq 20\text{mm}$ Bảo hành ≥ 12 tháng
19	Quạt cabin	Điện áp 220V Bảo hành ≥ 12 tháng
20	Động cơ cửa	Công suất 100W, điện áp 50V, tốc độ 180 vòng/ phút Bảo hành ≥ 12 tháng
21	Tủ điều khiển	Công suất 11KW – 380V Biến tần động lực 11KW. Bảo hành ≥ 12 tháng
22	Hộp Domino và INS đầu cabin	Kết nối các tín hiệu, điều khiển tín hiệu chạy tự động hoặc bằng tay Bảo hành ≥ 12 tháng
23	Dây dọc hồ 2 tầng	Dây 2 ruột tiết diện $\geq 1\text{mm}$, dây 6 ruột tiết diện $\geq 1\text{mm}$ dẫn điện, truyền tín hiệu Bảo hành ≥ 12 tháng
24	Dây cordon 14 ruột	Dây 14 ruột tiết diện $\geq 0,75\text{mm}$, xoắn chống nhiễu, dài 40 mét Bảo hành ≥ 12 tháng
25	Dây cordon 24 ruột	Dây 24 ruột tiết diện $\geq 0,75\text{mm}$, dài 40 mét Bảo hành ≥ 12 tháng
26	Cảm biến dừng tầng	Điện áp 24 VDC Bảo hành ≥ 12 tháng
27	Hộp button cabin hoàn chỉnh	Cao 105mm, dài 121mm, rộng 30,5mm Bảo hành ≥ 12 tháng
28	Hộp button tầng hoàn chỉnh	Cao 105mm, dài 121mm, rộng 30,5mm Bảo hành ≥ 12 tháng
29	Nhớt máy kéo	
30	Cáp tải phi 12 (20 mét/sợi x 4 sợi)	Đường kính $\geq 12\text{mm}$. Lõi cáp là lõi sợi tằm dầu. Bảo hành ≥ 12 tháng
31	Tủ điều khiển	Cao 1350mm, rộng 670mm, sâu 230mm 11KW, 380V. Bộ điều khiển chính, xử lý tín hiệu thông minh, nhanh chóng. Biến tần động lực 7,5 KW Bảo hành ≥ 12 tháng
32	Biến tần cửa	Sử dụng biến tần cửa, dài $\geq 230\text{mm}$, rộng $\geq 53\text{mm}$, cao $\geq 125\text{mm}$, công suất 0,4KW, điện áp 220V Bảo hành ≥ 12 tháng
33	Cáp tải phi 12	Đường kính $\geq 12\text{mm}$. Lõi cáp là lõi sợi tằm dầu. Bảo hành ≥ 12 tháng

II. Quy trình thực hiện bảo trì vệ sinh thang máy

(1 tháng 1 lần Hỗ trợ 1 giờ -2 giờ trong trường hợp đột xuất khi có sự cố)

Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ toàn bộ hệ thống thang máy với tần suất tối thiểu 01 lần/tháng; thay thế các vật tư, thiết bị thuộc phạm vi của gói thầu khi hỏng;

Kiểm tra đánh giá đối với các hạng mục công việc sau:

1. Các công tác trong phòng máy:

1.1. Cầu dao tổng.

- Bảo trì cầu dao tổng trong phòng máy, phải đảm bảo ở trạng thái ngắt ngay khi thang máy dừng tại một điểm dừng nào đó.

- Bảo trì công tắc bảo vệ động cơ bằng bộ cảm nhiệt, thực hiện bôi trơn để tránh bị cháy điểm tiếp xúc.

1.2. Động cơ điện.

- Kiểm tra đánh giá độ êm, độ quá nhiệt của động cơ; tình trạng hoạt động của các vòng bi đảm bảo cho thang hoạt động êm ái, trơn tru.

- Bơm mỡ định kỳ ≥ 01 lần/tháng.

- Siết chặt các chỗ nối điện.

1.3. Hộp số.

- Kiểm tra đánh giá độ êm của hộp số, bánh vít, trục vít và vòng bi hộp số đảm bảo cho thang hoạt động êm ái, trơn tru.

- Bảo trì các đệm cao su giảm sóc.

- Bảo trì các vòng bi đảm bảo chạy êm và kín, nếu không đạt cần phải hiệu chỉnh hoặc thay thế.

- Bôi trơn bánh vít, trục vít và các vòng bi bên ngoài.

1.4. Bộ đếm vận tốc và dây đai.

- Không được tháo rời bộ đếm vận tốc trong bất kỳ trường hợp nào.

- Vệ sinh làm sạch bụi bám.

- Bảo trì than kích điện và vành khuyên, phải thay than kích điện nếu quá mòn.

- Kiểm tra độ căng dây đai, nếu không đảm bảo thì phải tiến hành căn chỉnh lại.

1.5. Puly truyền động.

- Kiểm tra vị trí puly truyền động trên trục dẫn động trong chế độ chịu va đập và chịu tải thường của rãnh dẫn hướng, khắc phục các sai lệch nếu có.

- Siết chặt ốc vít giữa trục và puly truyền động.

1.6. Phan hãm.

- Bảo trì phanh hãm, giảm chấn liên kết và chấu điều chỉnh khe hở.

- Kiểm tra độ dày của bố thắng, tình trạng vòng hãm và pi-nông, sự tự quay của pi-nông về điểm giữa, tình trạng bộ giảm chấn và công tắc, khắc phục các sai lệch nếu có.

1.7. Bộ khống chế tốc độ.

- Kiểm tra và phải đảm bảo khi vận tốc cabin vượt quá tốc độ chuẩn thì phanh cơ an toàn được kích hoạt bởi bộ khống chế tốc độ.

- Bảo trì các bộ phận di động và quay.

- Đảm bảo bề mặt tiếp xúc của bánh xe cao su không được dính dầu hoặc mỡ nhờn.

1.8. Công tác giới hạn hành trình.

- Kiểm tra công tắc giới hạn hành trình có ngắt hoàn toàn dòng điện cung cấp chính nếu cabin vượt quá đoạn hành trình (hướng lên hoặc hướng xuống) hay không; sửa chữa hoặc thay thế.

- Bảo trì các đầu nối cáp và các tiếp điểm.

1.9. Các thiết bị đóng ngắt điện.

- Không được tháo lắp giá đỡ và mạch in khi chưa ngắt dòng điện chính.
- Kiểm tra tính năng cơ khí của các công tắc và rơ-le khống chế khi cabin chạy vượt quá đoạn hành trình. Phải đảm bảo cabin luôn di chuyển trong phạm vi cho phép.
- Kiểm tra tính năng điện của các công tắc và rơ-le khống chế khi cabin rơi.
- Kiểm tra dòng điện tại tiếp điểm của công-tắc.
- Kiểm tra công tắc phụ ngắt mạch.
- Các công tắc bị hỏng hoặc cháy phải được thay thế.
- Chỉ được dùng chổi quét bụi thật khô để làm vệ sinh cho hộp ngắt điện. Cần thận tối đa khi vệ sinh các bộ phận điện tử và bảng mạch điện.

1.10. Vệ sinh phòng máy.

- Thực hiện vệ sinh phòng máy định kỳ ≥ 01 lần/tháng.
- Sau khi làm vệ sinh phòng máy, thực hiện lau chùi hộp giảm tốc, động cơ, pu-li chuyên hướng và bộ khống chế tốc độ.

2. Các công tác trong hố thang.

2.1. Ray dẫn hướng cabin.

- Bảo trì các chi tiết nối ray dẫn hướng, các mẫu kẹp và vòng đệm.
- Làm vệ sinh ray dẫn hướng.

2.2. Ray dẫn hướng đối trọng.

- Bảo trì các chi tiết nối ray dẫn hướng, các mẫu kẹp và vòng đệm.
- Làm vệ sinh ray dẫn hướng.
- Kiểm tra độ căng cáp dẫn hướng.

2.3. Đầu móc cáp treo cabin và đối trọng.

- Bảo trì lò xo, đai ốc chịu lực, các then khoá và độ chịu xoắn an toàn của các bu-lông treo.

- Nếu móc cáp treo và đai ốc chịu lực có vết nứt hay biến dạng phải thay thế.

2.4. Cáp treo và cáp bù.

- Kiểm tra số sợi thép bị đứt trên dây cáp.
- Kiểm tra tình trạng tự bôi trơn và tự tẩm dầu.
- Kiểm tra và đảm bảo độ căng của mỗi sợi thép phải bằng nhau, nếu không đạt thì tiến hành căn chỉnh lại.

- Nếu cáp đứt một tao, phải thay ngay lập tức.

- Nếu số sợi thép bị đứt tính trên mỗi mét vượt quá 10% tổng số sợi thép trên cáp thì sợi cáp đó phải được thay thế.

- Kiểm tra đường kính sợi cáp phải luôn đảm bảo trong giới hạn cho phép và đưa ra phương án xử lý hiệu quả trong trường hợp đường kính sợi cáp không còn đảm bảo kích cỡ theo quy định.

2.5. Puli treo, pu-li chuyên hướng và khung pu-li.

- Kiểm tra pu-li treo và pu-li chuyên hướng nếu có vết nứt rạn hay biến dạng méo mó các rãnh dẫn hướng phải tiến hành sửa chữa hoặc thay thế.

- Bảo trì, bôi trơn các vòng bi.
- Kiểm tra, căn chỉnh và siết chặt lại các ốc vít khung pu-li.
- Bơm mỡ định kỳ ≥ 01 lần/tháng.

2.6. Cabin.

- Kiểm tra xem cabin vận hành êm hay không bằng cách cho chạy thử vài đoạn hành trình.

Khắc phục, sửa chữa, thay thế để đảm bảo thang máy luôn vận hành êm ái, trơn tru.

- Bảo trì các chức năng của các công-tắc an toàn, các nút nhấn báo động và ngừng, hệ thống chiếu sáng và đèn tín hiệu trong cabin.

- Bảo trì các chức năng điều khiển bên trong cabin.

- Đối với những cabin có hệ thống cửa tự động, tiến hành bảo trì cửa để đảm bảo cửa luôn được đóng mở bình thường; bảo trì các chức năng khoá, công-tắc cửa, thiết bị mất thần an toàn cửa cũng như hệ thống liên kết với cửa tầng.

2.7. Công tắc từ và nam châm.

- Bảo trì công-tắc từ và nam châm (lá cờ kim loại) để đảm bảo khoảng cách thích hợp giúp thang máy vận hành chuẩn xác và không ảnh hưởng đến các thiết bị khác của hệ thống.

2.8. Chốt cam và chốt cam đóng mở cửa.

- Bảo trì các tấm chắn cao su và hệ thống giám chấn, vệ sinh bộ phận truyền động.

- Kiểm tra các chốt cam đóng mở cửa.

2.9. Phanh cơ an toàn.

- Bảo trì các chức năng của nệm an toàn và công tắc an toàn, điều kiện làm việc của dây cáp bộ khống chế tốc độ và các chi tiết nối, pu-li căng dây và công tắc báo dây cáp đứt trong hố thang.

2.10. Đế ray dẫn hướng.

- Kiểm tra khoảng cách giữa ray dẫn hướng với cabin và điều chỉnh nếu thấy cần thiết để đảm bảo thang vận hành an toàn, trơn tru.

- Bảo trì thanh kẹp guốc dẫn hướng, thay thế trong trường hợp khe hở quá lớn.

- Kiểm tra khoảng cách giữa cabin và bánh xe dẫn hướng.

2.11. Đối trọng.

- Đảm bảo các bộ phận của đối trọng phải được cố định và siết chặt.

- Đế ray dẫn hướng của đối trọng: thực hiện như Mục 2.10.

2.12. Xích bù hoặc cáp bù.

- Kiểm tra tình trạng treo và hoạt động của xích hoặc cáp.

2.13. Dây cáp điện vận hành.

- Kiểm tra các chi tiết nối cáp và cáp di chuyển có êm hay không.

2.14. Bộ kích hoạt công-tắc giới hạn đoạn hành trình.

- Bảo trì đòn bẩy và bánh xe dẫn động, dây cáp và các chi tiết nối cáp, điều chỉnh nếu thấy cần thiết.

2.15. Bộ giảm chấn khi cabin vượt quá đoạn hành trình.

- Kiểm tra khả năng làm việc của bộ giảm chấn trong trường hợp cabin vượt quá đoạn hành trình.

2.16. Pu-li căng dây.

- Vệ sinh pu-li căng dây.

- Bảo dưỡng các chi tiết nối, kiểm tra khoảng cách giữa pu-li và đáy hố thang và khả năng hoạt động của công-tắc báo dây cáp đứt.

2.17. Đáy hố thang.

- Vệ sinh đáy hố thang; không được để đáy hố thang có rác.

2.18. Cửa tầng.

a). Đối với cửa trượt tự động đóng một cánh:

- Bảo trì và lau chùi khoá cửa, công tắc cửa và con lăn.

- Bảo trì cơ cấu đóng cửa và bộ giảm chấn.

- Vệ sinh bộ phận treo cửa và ray dẫn hướng dưới cửa.

- Đảm bảo cửa đóng mở nhẹ và êm.

b). Đối với cửa trượt tự động đóng hai cánh (cửa mở sang hai bên):

- Bảo trì và lau chùi khoá cửa, công tắc cửa và con lăn.

- Bảo trì cơ cấu đóng cửa và bộ giảm chấn.

- Vệ sinh bộ phận treo cửa và ray dẫn hướng dưới cửa.

- Đảm bảo cửa đóng mở nhẹ và êm.

c). Đối với cửa trượt theo phương thẳng đứng:

- Kiểm tra và lau chùi khoá cửa, công tắc cửa.

- Lau chùi và bôi trơn các thanh trượt và xích pu-li

- Kiểm tra kính cửa sổ trên bảng điều khiển không bị nứt vỡ.

2.19. Bộ điều khiển ngoại vi, bảng hiển thị.

- Kiểm tra chức năng của bộ điều khiển ngoại vi và các đèn hiển thị.

- Bảo trì và siết chặt các ốc vít. *ph*



